TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **70**/2018/HS-ST
Ngày: 06-8-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thận.
2. Bà Hồ Thị Hồng Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên tòa*:** bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện BĐ, tỉnh BP, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 55/2018/HSST ngày 04/6/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T; Sinh năm 1975**, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, Huyện B, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị Thởi, sinh năm 1942; vợ Trần Thị H, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/3/2018 cho đến nay. (*Có mặt)*

- *Bị hại:*
Nguyễn Quang Tr (B); sinh ngày: 12/10/2003
Địa chỉ: thôn 3, xã TN, Huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Quang Tr*:
Bà Trần Thị H; Sinh năm 1979. (Có mặt)
Địa chỉ: thôn 3, xã TN, Huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Xuân T là cha ruột của Nguyễn Quang Tr. Sau khi bố mẹ Tr ly hôn thì cháu Tr sống với bị cáo T. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 13/12/2017, Nguyễn Xuân T đi chơi về thì thấy cháu Nguyễn Quang Tr đang đun nước pha mỳ tôm. T chửi Tr và mẹ của Tr. Do bị chửi nên Tr có cải lại, T áp sát đòi đánh Tr. Tr dùng tay đẩy T ra. T liền lấy 01 ly thủy tinh màu trắng cao khoảng 15cm đường kính khoảng 10 cm (loại ly dùng để uống nước) đang để trên bàn gần đó đánh 01 cái vào vùng đầu trúng vào trán bên trái của T gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 08/2018/TgT ngày 19/01/2018 của Trung tâm giám định y khoa – pháp y thuộc Sở y tế tỉnh BP xác định: Tr bị thương tích sẹo chân tóc trán (thái dương trán) kích thước 3X 0.1cm và 1 x 0.1 cm bờ gọn, mềm, lành tốt. tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Nguyễn Quang Tr là 02%.

Về vật chứng vụ án: 01 ly thủy tinh không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 50/CT/VKS-HS ngày 31/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện B, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình nêu trên; Người đại diện hợp pháp cho bị hại không có ý kiến về tội danh bị cáo bị truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 104 Bộ luật Hình sự 1999.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng, Kiểm sát viên không có ý kiến khiếu nại gì về những tài liệu nêu trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "cố ý gây thương tích"; Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm a, d khoản 1 Điều 104, điểm b, p ,h Khoản 1 Điều 46, Điều 31 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: do bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị tuyên trả số tiền 3.000.000đồng cho bị cáo; Vật chứng vụ án không thu hồi được và án phí giải quyết theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa người đại diện hợp hợp pháp của bị hại Nguyễn Quang Tr, chị H trình bày: Về tội danh chị không có ý kiến gì. Về mức hình phạt chị đề nghị xét xử nghiêm theo quy định pháp luật. Bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại và không đồng ý nhận số tiền bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo T trình bày: Bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường số tiền 3.000.000đồng cho bị hại Tr.

* Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo đã nhận thấy hành vì của mình là sai trái và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Xuân T: Hành vi lấy 01 ly thủy tinh màu trắng cao khoảng 15cm đường kính khoảng 10 cm (hung khí nguy hiểm) đánh 01 cái vào vùng đầu trúng vào trán bên trái của Tr làm cháu Nguyễn Quang Tr chưa thành niên bị chấn thương với tỷ lệ thương tích là 02% thỏa mãn yếu tố cấu thành tội được quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 104 BLHS.

Bị cáo T thực hiện hành vi với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo là bố của bị hại Tr, khi bị cáo thực hiện hành vi bị hại Tr chưa thành niên. Lẽ ra bị cáo phải bình tĩnh dạy dỗ cháu Tr nhưng bị cáo không kìm chế bản thân mà gây thương tích cho cháu Tr. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a,d khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật**.**

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, đây là quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự.

Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội và áp dụng Điều 31 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Xét thấy, bị cáo T nghề nghiệp chính là làm rẫy, lao động tự do; thu nhập không ổn định; là lao động chính trong gia đình và bị cáo T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên không cần thiết phải khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Sự đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt là phù hợp với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phù hợp với nhân thân của bị cáo và các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đại điện hợp pháp của bị hại và bị hại không yêu cầu bồi thường. Do đó, cần trả lại số tiền 3.000.000đồng mà bị cáo đã nộp cho bị cáo T.

[6] Về vật chứng vụ án:

Về vật chứng vụ án: 01 ly thủy tinh bị bể không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Căn cứ vào điểm a, d khoản 1 Điều 104, điểm b,h,p khoản 1 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 năm cải tạo không giam giữ về tội "Cố ý gây thương tích". Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân T cho Ủy ban nhân dân xã TN, Huyện BĐ, tỉnh BP quản lý, giám sát, giáo dục.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả lại số tiền 3.000.000đồng cho bị cáo Nguyễn Xuân T . (*Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 0009611 ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ với chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ*).

[3] Về án phí:

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BP;*
- *Sở TP & Công An tỉnh BP;*
- *Công an huyện BĐ;*
- *VKSND huyện BĐ;*
- *CCTHADS huyện BĐ;*
- *Bị cáo, Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh